

THÔNG TƯ

**Quy hoạch sử dụng kênh tần số cho truyền hình
số mặt đất băng tần 470-694 MHz**

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư Quy hoạch sử dụng kênh tần số cho truyền hình số mặt đất băng tần 470-694 MHz.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy hoạch sử dụng kênh tần số cho truyền hình số mặt đất băng tần 470-694 MHz tại Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, sử dụng thiết bị vô tuyến điện tại Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị truyền dẫn, phát sóng toàn quốc (sau đây viết tắt là: Đơn vị TDPS toàn quốc) là tổ chức có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật để thiết lập mạng truyền dẫn, phát sóng truyền hình số mặt đất trên phạm vi toàn quốc.

2. Đơn vị truyền dẫn, phát sóng khu vực (sau đây viết tắt là: Đơn vị TDPS khu vực) là tổ chức có giấy phép viễn thông theo quy định của pháp luật để thiết lập mạng truyền dẫn, phát sóng truyền hình số mặt đất trên phạm vi khu vực.

3. Mạng đơn tần là mạng gồm nhiều máy phát sóng truyền hình hoạt động đồng bộ với nhau trên cùng một kênh tần số, truyền tải dữ liệu giống nhau.

4. Giấy phép, trừ trường hợp tại khoản 1 và 2 Điều này, được hiểu là giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cấp cho đơn vị TDPS.

5. Khu vực Tây Bắc là khu vực gồm các tỉnh: Hà Giang, Lào Cai, Cao Bằng, Điện Biên, Lai Châu, Tuyên Quang, Yên Bái, Sơn La, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hòa Bình.

6. Khu vực Bắc Bộ là khu vực gồm các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Phú Thọ, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, Ninh Bình, Hà Nam, Bắc Ninh, Bắc Giang.

7. Khu vực Bắc Trung Bộ là khu vực gồm các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

8. Khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là khu vực gồm các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Đắk Nông, Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum.

9. Khu vực Nam Bộ là khu vực gồm các tỉnh, thành phố: thành phố Hồ Chí Minh, Bình Thuận, Đồng Nai, Bà Rịa- Vũng Tàu, Bình Dương, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Bình Phước, Tây Ninh, Cần Thơ, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Hậu Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau.

Điều 3. Nội dung quy hoạch

1. Phân kênh tần số cho truyền hình số mặt đất băng tần 470-694 MHz theo bảng dưới đây:

Kênh	Giới hạn kênh (MHz)	Tần số trung tâm (MHz)	Kênh	Giới hạn kênh (MHz)	Tần số trung tâm (MHz)
21	470 – 478	474	35	582 - 590	586
22	478 – 486	482	36	590 - 598	594
23	486 – 494	490	37	598 - 606	602
24	494 – 502	498	38	606 - 614	610
25	502 - 510	506	39	614 - 622	618
26	510 - 518	514	40	622 - 630	626
27	518 - 526	522	41	630 - 638	634
28	526 - 534	530	42	638 - 646	642
29	534 - 542	538	43	646 - 654	650
30	542 - 550	546	44	654 - 662	658
31	550 - 558	554	45	662 - 670	666
32	558 - 566	562	46	670 - 678	674
33	566 - 574	570	47	678 - 686	682
34	574 - 582	578	48	686 - 694	690